

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM



DỰ THẢO
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM
ĐẾN 2022 VÀ TẦM NHÌN 2025

TP.HCM, tháng 10 năm 2018

MỤC LỤC

1. MỞ ĐẦU

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh (ĐHCN.TP.TPHCM - tên giao dịch bằng tiếng Anh: Ho Chi Minh City University of Food Industry; viết tắt là HUFVI) tiền thân là Trường Cán bộ Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh năm 1982. Năm 1986, nâng cấp thành Trường Trung học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh. Năm 1993, nâng cấp thành Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh. Xu thế hội nhập và kết quả phát triển không ngừng của nhà trường, từ ngày 23/02/2010 trường chính thức trở thành Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh theo quyết định số 284/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ.

Trải qua các giai đoạn phát triển, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự hỗ trợ, hợp tác có hiệu quả của các bộ, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp và các đối tác quốc tế, đặc biệt là sự nỗ lực phấn đấu với trách nhiệm và quyết tâm cao của tập thể lãnh đạo, nhà giáo, nhà khoa học và học sinh, sinh viên; ĐHCN.TP.TPHCM đã và đang khẳng định được uy tín trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng thị trường lao động trong và ngoài nước; khẳng định vị thế trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực với vai trò quan trọng trong ngành công thương và hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

Trong giai đoạn 2015-2017, ĐHCN.TP.TPHCM đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu Chiến lược phát triển đến năm 2020; từng bước xác lập được vị trí số 3 trong các trường đại học trực thuộc Bộ Công Thương. Năm 2018, ĐHCN.TP.TPHCM là 01 trong 02 trường đại học của Bộ Công Thương tiên phong trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục và tự chủ đại học. Những thành tựu của ĐHCN.TP.TPHCM trong giai đoạn vừa qua đã góp phần trong sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao cho ngành Công Thương nói riêng và trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nói chung, khẳng định chủ trương, tầm nhìn của Đảng, Nhà nước là đúng đắn, phù hợp với xu thế phát triển của thế giới và đang phát huy hiệu quả cao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả mà ĐHCN.TP.TPHCM đạt được còn tồn tại nhiều khó khăn, thách thức. Đặc biệt, trong tương quan với các trường đại học định hướng ứng dụng trong nước và khu vực, vị trí của ĐHCN.TP.TPHCM còn khiêm tốn và thách thức về khoảng cách ngày càng xa nếu không có một chiến lược để có thể nhảy vọt với sự chuyển hóa nhanh chóng về chất.

Chiến lược phát triển ĐHCN.TP.TPHCM đến năm 2022, tầm nhìn 2025 sẽ tiếp tục phát huy những thành tựu, chủ động tích cực ứng phó với các cơ hội và thách thức; tiếp tục thực hiện vai trò của một trường đại học top 3 của Bộ Công Thương; thực hiện trách nhiệm quốc gia và đóng góp cho ngành giáo dục đào tạo; khoa học công nghệ cũng như đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

2. BỐI CẢNH

2.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực

Thế giới đang phát triển và biến đổi nhanh chóng trong thời kỳ cách mạng công nghiệp mới, đồng thời cũng đang đứng trước những biến động phức tạp, khó lường. Những biến chuyển này dù tác động trực tiếp hay gián tiếp đều đang có ảnh hưởng sâu sắc đến hầu khắp các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có giáo dục đại học. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển đang mở ra cơ hội cho nhiều đại học có thể phát triển vươn tầm mà không nhất thiết trải qua quy trình phát triển đã có hoặc tuân thủ theo các thông lệ truyền thống.

Dựa trên những thành tựu nền tảng của cuộc cách mạng công nghiệp mới, mô hình đại học thông minh đổi mới sáng tạo được xây dựng và phát triển dựa trên mô hình quản trị chia sẻ (shared governance) nhằm hình thành hệ sinh thái với 3 đặc trưng cốt lõi là: Số hóa, Nghiên cứu và Đổi mới sáng tạo. Cùng với đó, giáo dục đại học cũng đặt ra yêu cầu phải có sự điều chỉnh về phương thức đào tạo và cách thức quản lý đào tạo đáp ứng yêu cầu *việc học diễn ra mọi nơi, mọi lúc; việc học mang tính cá thể hóa, phù hợp với từng cá nhân*. Chuyển đổi số thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và nghiên cứu, trở thành mục tiêu và phương tiện trong quản lý và hoạt động của các trường đại học, nhất là các đại học công lập để phù hợp với bối cảnh và đối tượng học tập hiện nay.

2.2. Bối cảnh trong nước

Trong những năm qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn thách thức rất lớn, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Giáo dục và đào tạo có bước đổi mới, đóng góp tích cực vào xây dựng con người, phát triển nguồn nhân lực. Khoa học công nghệ được đẩy mạnh trong ứng dụng, đổi mới sáng tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tuy nhiên, chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo chưa cao; đào tạo vẫn thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học và nhu cầu của thị trường lao động; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Đầu tư cho khoa học công nghệ còn hạn chế, hiệu quả chưa cao, chưa xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Đây là những căn cứ, tiền đề quan trọng để xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển ĐHCN.TP.TPHCM đến năm 2022, tầm nhìn 2025. Ngoài ra, tự chủ đại học tiếp tục là xu thế chính giáo dục đại học ở Việt Nam. Quyền tự chủ của các trường được thể hiện trong nhiều văn bản chính sách (2) đã có tác động lớn đến phát triển quy mô đào tạo, phát triển hoạt động KH&CN, thu hút nhân lực KH&CN chất lượng cao và hơn hết là cách thức quản trị trong các cơ sở giáo dục đại học nhằm phát huy hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để nâng cao chất lượng giáo dục đại học nhằm phát huy hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

3. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

3.1. Phát triển ĐHCN.TP.TPHCM phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phù hợp với các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; thực hiện vai trò tiên phong trong đổi mới giáo dục đại học Việt Nam.

3.2. ĐHCN.TP.TPHCM tiếp tục giữ vững vai trò quan trọng trong hệ thống các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Công Thương, đi đầu trong thực hiện các mô hình tự chủ giáo dục đại học. Phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở nghiên cứu và ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, phong trào đổi mới sáng tạo và tăng chất lượng giáo dục, tiên phong trong việc tận dụng các cơ hội của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển mạnh chuyên đổi giáo dục số.

3.3. Phát triển hài hòa giữa quy mô và chất lượng đào tạo. Phát huy giá trị cốt lõi “Nhân văn – Đoàn kết – Tiên phong – Đổi mới”. Đào tạo nguồn nhân lực đạt chuẩn đầu ra, thích ứng thị trường lao động trong và ngoài nước. Không ngừng nâng cao chất lượng sống của người lao động.

3.4. Phát huy sức mạnh tổng hợp từ mọi nguồn lực, phát huy tinh thần cộng đồng và uy tín của ĐHCN.TP.TPHCM; đảm bảo cơ hội phát triển cho tất cả các đơn vị đồng thời nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm xã hội và sáng tạo của các đơn vị; đẩy mạnh liên thông, liên kết, hợp tác toàn diện giữa ĐHCN.TP.TPHCM với các cơ quan, doanh nghiệp, địa phương và các đối tác nước ngoài để tạo các giá trị gia tăng và các sản phẩm độc đáo.

3.5. Phát huy hiệu quả mọi nguồn lực xây dựng các hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại; tập trung ưu tiên đầu tư các dự án hạ tầng số để thích ứng với cách mạng công nghiệp 4.0 trong giáo dục và đào tạo.

4. SỨ MẠNG, TÂM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

4.1. Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức, tri thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu của xã hội; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phát triển dịch vụ đa ngành, đa lĩnh vực; thực hiện trách nhiệm xã hội, phục vụ cộng đồng và hội nhập quốc tế; góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

4.2. Tầm nhìn 2035

Trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hàng đầu của quốc gia, có vị thế trong khu vực và quốc tế, luôn tiên phong trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực phẩm.

4.3. Giá trị cốt lõi

Nhân văn – Đoàn kết – Tiên phong – Đổi mới

4.4. Triết lý giáo dục

Học tập chủ động, làm việc sáng tạo, sống có trách nhiệm

5. Mục tiêu trọng tâm giai đoạn 2021-2025

Phát triển hệ thống đại học đa ngành, liên ngành và hoàn thiện mô hình cơ sở giáo dục đại học tự chủ; phát triển trở thành một cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng có uy tín trong nước và khu vực Đông Nam Á.

6. CÁC NHÓM CHIẾN LƯỢC

6.1. Quản trị đại học

6.1.1. Mục tiêu chung: Nâng cao hiệu quả quản trị hệ thống nhà trường

6.1.2. Mục tiêu và giải pháp cụ thể

Mục tiêu 1: Hoàn thiện mô hình - cấu trúc cơ sở giáo dục đại học, đa ngành – liên ngành tự chủ

Giải pháp: Cấu trúc tổ chức nhà trường được hợp lý hóa. Hoàn thiện mô hình cơ sở giáo dục đại học tự chủ hoàn toàn với các đơn vị trực thuộc và thuộc.

Mục tiêu 2: Cơ chế làm việc hiệu quả

Giải pháp: Xây dựng hệ thống văn bản quy định về quản lý hệ thống từ cấp đơn vị trực thuộc, thuộc đảm bảo việc vận hành hiệu quả.

Mục tiêu 3: Hiệu quả các mối quan hệ giữa các tổ chức, đơn vị, bộ phận

Giải pháp: Hoàn thiện Quy định về các mối quan hệ trong nhà trường: Hội đồng trường, Đảng ủy, Ban Giám Hiệu, Công đoàn, Đoàn Thanh niên; Quy định về các mối quan hệ trong hệ thống cấp đơn vị.

Mục tiêu 4: Đội ngũ cán bộ quản lý chuyên nghiệp

Giải pháp: Hoàn thiện Đề án vị trí việc làm trong toàn trường. Nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho đội ngũ cán bộ quản lý. Nâng cao kỹ năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề quản trị đại học hiện đại. Hoàn thiện các quy định về đánh giá, quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, các chế độ chính sách đãi ngộ đặc thù.

Mục tiêu 5: Ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý đáp ứng số liệu nhanh chóng, chính xác, an toàn; hỗ trợ đắc lực cho cán bộ quản lý các cấp ra quyết định.

Giải pháp: Hợp lý hóa quy trình quản lý, tin học hóa các quy trình quản lý, xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định.

6.1.3. Nhóm chỉ tiêu về quản trị

a) Tổ chức, bộ máy

- Năm 2021, thành lập xong hội đồng trường theo đúng các quy định của pháp luật. Tiêu chuẩn của Chủ tịch Hội đồng trường tương tự như tiêu chuẩn của Hiệu trưởng.

- Năm 2022, hoàn thiện bộ máy Ban Giám hiệu gồm Hiệu trưởng và 3 Phó Hiệu trưởng để đáp ứng yêu cầu công việc.

- 100% các thành viên Ban Giám hiệu, Trưởng khoa, Trưởng bộ môn và các đơn vị nghiệp vụ quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, đảm bảo chất lượng phải có trình độ tiến sỹ.

- Đến năm 2022, ĐHCN.TP.TPHCM có 40 đơn vị, trong đó: 33 đơn vị thuộc và 7 đơn vị trực thuộc (các đơn vị tự chủ toàn phần và công ty).

b) Mô hình quản trị

Đến năm 2022, ĐHCN.TP.TPHCM hoàn thiện mô hình cơ sở giáo dục đại học tự chủ toàn phần với kiểu cơ cấu 03 cấp: Cấp Trường, Đơn vị thuộc hay trực thuộc, Bộ môn và tương đương.

c) Công cụ quản trị

Năm 2022, hoàn chỉnh hệ thống các văn bản để thực hiện công tác quản trị Nhà trường theo mô hình tự chủ toàn phần.

6.2. Chiến lược đào tạo

6.2.1. Mục tiêu chung

- Xây dựng hệ thống đào tạo đa lĩnh vực, đa trình độ, đa và liên ngành theo định hướng ứng dụng có chất lượng hàng đầu Việt Nam, giúp người học phát triển năng lực bản thân và thích ứng với sự thay đổi của xã hội.
- Phát triển đào tạo với quy mô phù hợp, chất lượng đào tạo không ngừng được nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao, sự đa dạng của xã hội và hội nhập quốc tế.

6.2.2. Mục tiêu và giải pháp cụ thể:

Mục tiêu 1: Xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo hướng ứng dụng, đáp ứng chuẩn đầu ra, nâng cao kiến thức, kỹ năng và đạo đức cho người học, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

Giải pháp:

- Xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo đối với các trình độ đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, hướng đến khung năng lực (QF) của các nước trong khu vực ASEAN.
- Tăng cường tính liên thông giữa các chương trình đào tạo trong và ngoài Trường.
- Cải tiến các chương trình đào tạo theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng và đạo đức, đáp ứng chuẩn đầu ra theo MOET và AUN-QA.
- Phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao trong trường.
- Phát triển các chương trình đào tạo sau đại học theo định hướng ứng dụng đối với các ngành/khoa/trường phù hợp.

Mục tiêu 2: Mở rộng quy mô đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía Nam và cả nước. Tiên phong phát triển nhóm ngành thực phẩm và dịch vụ.

Giải pháp:

- Tăng quy mô đào tạo trên cơ sở mở thêm lĩnh vực và ngành đào tạo.
- Chú trọng đầu tư các nhóm ngành về thực phẩm và dịch vụ trên các phương diện về nguồn lực và sự ảnh hưởng đối với thị trường lao động.
- Mở rộng hợp tác đào tạo với các cơ sở trong và ngoài nước.

- Phát triển chương trình đào tạo ngắn hạn đáp ứng nhu cầu xã hội.
- Phát triển các phương thức đào tạo khác.
- Nâng cao trách nhiệm của Nhà trường với xã hội.

Mục tiêu 3: Thu hút và tuyển chọn thí sinh có chất lượng, có kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

Giải pháp:

- Xây dựng, triển khai kế hoạch quảng bá hình ảnh của Trường và các đơn vị, tư vấn về Trường và các chương trình đào tạo.
- Xác định quy mô, cơ cấu tuyển sinh các hệ đào tạo cho phù hợp với định hướng phát triển của Trường và nhu cầu xã hội.
- Xây dựng và triển khai Đề án tuyển sinh đại học và sau đại học phù hợp với thực tiễn.
- Kiện toàn bộ máy tuyển sinh theo hướng chuyên nghiệp, với sự tham gia của các đơn vị đào tạo. Xây dựng chương trình truyền thông tuyển sinh bắt đầu từ khoa chuyên ngành.
- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông tuyển sinh đảm bảo sự phủ rộng và có trọng điểm ở những thị trường lớn; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để chuyển tải hình ảnh của Trường và thông điệp tuyển sinh.
- Xây dựng mạng lưới tuyển sinh với mô hình vệ tinh của Trường, bao gồm các cơ sở hợp tác, liên kết tại các tỉnh; các cơ sở giáo dục phổ thông bằng các hình thức phối hợp, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau.

Mục tiêu 4: Mở rộng áp dụng các phương pháp dạy và học tích cực, tạo điều kiện để người học phát triển tốt nhất năng lực.

Giải pháp:

- Đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học.
- Đổi mới việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả đào tạo gắn chặt với chuẩn đầu ra.
- Xây dựng tài liệu hướng dẫn phương pháp dạy và học tích cực, đánh giá theo quá trình.
- Hỗ trợ giảng viên/sinh viên về giảng dạy/học tập tích cực.
- Xây dựng và triển khai đào tạo trực tuyến.

Mục tiêu 5: Hoàn thiện mô hình quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đẩy mạnh triển khai liên thông đào tạo trong và ngoài Trường.

Giải pháp:

- Hoàn thiện hệ thống các văn bản, quy chế về quản lý đào tạo.

- Xây dựng, áp dụng các quy định về liên thông, liên kết giữa các cơ sở đào tạo khác.
- Phát triển, hoàn thiện các hệ thống quản lý đào tạo bằng công nghệ thông tin trong Trường.

Mục tiêu 6: Phát triển, đảm bảo tư liệu học tập, không gian học tập và môi trường học tập thuận lợi, giúp nâng cao hiệu quả của quá trình dạy và học.

Giải pháp:

- Tăng cường học liệu từ các nguồn khác nhau, đáp ứng được yêu cầu của các chương trình đào tạo.
- Đẩy mạnh hoạt động của trung tâm thông tin thư viện, tăng cường nguồn học liệu điện tử.
- Phát triển hệ thống công nghệ thông tin phục vụ học tập (E-learning) trong Trường.
- Đổi mới hình thức tổ chức học tập, tăng cường giảng dạy trực tuyến, giảng dạy kết hợp (Blending).

Mục tiêu 7: Đẩy mạnh công tác đánh giá, kiểm định, đảm bảo chất lượng đào tạo theo các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.

Giải pháp:

- Đẩy mạnh đánh giá ngoài, kiểm định nội bộ, đảm bảo chất lượng, hướng dẫn hoàn thiện các chương trình đào tạo.
- Đẩy mạnh công tác hướng dẫn kiểm định chất lượng giáo dục theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT; các chuẩn khu vực và thế giới (AUN-QA, ABET, AACSB, ...).
- Đăng ký xếp hạng quốc tế phù hợp.

Mục tiêu 8: Phát triển, đảm bảo các nguồn lực phục vụ đào tạo

Giải pháp:

- Đề xuất các cơ chế, chính sách làm tăng các nguồn thu, tài trợ, xã hội hóa phục vụ đào tạo, thu hút nguồn nhân lực giỏi trong và ngoài nước.
- Tiếp tục chính sách khuyến khích đội ngũ giảng viên học tập nâng cao trình độ bằng việc đài thọ toàn bộ hoặc một phần kinh phí cho giảng viên học tập, bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn ở nước ngoài. Tạo điều kiện tốt nhất để đội ngũ khoa học đạt các tiêu chí xét chức danh nghề nghiệp.
- Hàng năm tổ chức các khóa tập huấn - cấp chứng chỉ cho giảng viên về đổi mới phương pháp giảng dạy. Gắn việc tăng lương trước thời hạn với thành tích đổi mới phương pháp giảng dạy.
- Tăng cường tổ chức hội nghị hội thảo/seminar về đổi mới phương pháp giảng dạy; tập trung vào những chủ đề quan trọng là “*Phương pháp đào tạo trực tuyến online*”, “*Công nghệ đào tạo 4.0*”.

6.2.3. Nhóm chỉ tiêu đào tạo

a) Quy mô đào tạo đến năm 2022

- Tổng số lĩnh vực đào tạo lên 11 lĩnh vực, 17 nhóm ngành với khoảng 35 chương trình đào tạo đại học, 15 chương trình đào tạo thạc sỹ, 8 chương trình đào tạo tiến sỹ.

- Lưu lượng người học 21.050 người, trong đó 19.000 sinh viên đại học (15.000 sinh viên đại học chính quy (5.000 sinh viên chương trình chất lượng cao), 1000 sinh viên đại học liên thông, 3000 sinh viên đại học văn bằng hai và từ xa), 500 học viên cao học, 50 NCS, 1.500 học sinh phổ thông.

b) Chất lượng đào tạo (tính trung bình trong 5 năm)

- Hiệu suất đào tạo: Đại học (75%), Sau đại học (90%).

- 100% người học tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra kể cả chuẩn trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm để sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động.

- Tỷ lệ hài lòng về chương trình đào tạo của các doanh nghiệp: 80%

- Tỷ lệ hài lòng về chương trình đào tạo của sinh viên sau tốt nghiệp: 90%

- Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp 1 năm: 90%

- Tỷ lệ hài lòng của doanh nghiệp đối với sinh viên tốt nghiệp: 80%

c) Ứng dụng công nghệ trong đào tạo

- Đến năm 2022, Toàn bộ hệ thống quản lý đào tạo được đồng bộ hóa bằng các phần mềm quản lý đảm bảo an toàn và hiệu quả.

- Đến năm 2022, hoàn chỉnh cơ bản hệ thống đào tạo từ xa, đào tạo trực tuyến.

- Đến năm 2022, 25% chương trình đào tạo đại học, thạc sỹ sẽ đào tạo bằng phương thức Elearning và 25% chương trình sẽ đào tạo bằng phương thức blended learning.

d) Phương pháp dạy học

- 100% giảng viên có kỹ năng giảng dạy trực tuyến;

- Hằng năm, 100% các giảng viên được bồi dưỡng ít nhất 01 chuyên đề về giảng dạy đại học;

- Hằng năm, HUFU tổ chức ít nhất 4 hội thảo hoặc tòa đàm về giảng dạy đại học.

6.3. Chiến lược phát triển khoa học công nghệ

6.3.1. Mục tiêu chung

Phát triển hoạt động KHCN để xây dựng nền tảng phát triển ĐHCN.TP.TPHCM thành một đại học định hướng nghiên cứu ứng dụng, góp phần phục vụ cho công cuộc CNH, HĐH đất nước, nâng cao uy tín thương hiệu nhà trường trong cộng đồng khoa học.

6.3.2. Các mục tiêu cụ thể

Mục tiêu 1: Mở rộng quy mô, lĩnh vực nghiên cứu; ưu tiên các hướng nghiên cứu chiến lược, mũi nhọn và liên ngành

Giải pháp:

- Phát triển các nghiên cứu mũi nhọn và liên ngành.
- Xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh và các nhóm nghiên cứu tiềm năng.
- Tăng cường hợp tác về KHCN với các đối tác trong và ngoài nước.
- Xây dựng và vận hành Vườn ươm nghiên cứu thu hút sự tham gia của các đối tác trong và ngoài Trường.

Mục tiêu 2: Nâng cao chất lượng và hiệu quả KHCN

Giải pháp:

- Phát triển nguồn nhân lực KHCN.
- Phát triển các phòng thí nghiệm, các cơ sở thực nghiệm - nghiên cứu.
- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động KHCN.
- Đầu tư có chọn lọc cho các đề tài, dự án KHCN được ứng dụng vào thực tiễn.
- Cập nhật kết quả KHCN vào chương trình đào tạo (dưới dạng chuyên đề/học phần tự chọn/bổ sung vào chương trình học phần).
- Tăng cường các công bố trên các tạp chí uy tín.

Mục tiêu 3: Tăng cường hoạt động KHCN của người học

Giải pháp:

- Tăng cường hoạt động KHCN của SV.
- Gắn kết các đề tài luận văn, luận án với đề tài NCKH của GV.

Mục tiêu 4: Phát triển hệ thống thông tin KHCN và quảng bá

Giải pháp:

- Xây dựng và kết nối cơ sở dữ liệu về KHCN.
- Phát triển hệ thống tạp chí khoa học theo chuẩn khu vực và quốc tế.
- Định kỳ tổ chức các sự kiện KHCN: Hội nghị khoa học, hội thảo khoa học, hội chợ nghiên cứu, ...

6.3.3. Nhóm chỉ tiêu về nghiên cứu khoa học

- Hằng năm, thực hiện 1-2 đề tài cấp Nhà nước, 4-6 đề tài/dự án cấp bộ/tỉnh/thành phố và 100-120 đề tài cấp trường, thực hiện được ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học hoặc chuyển giao công nghệ cho các tổ chức trong và ngoài nước;
- Trung bình mỗi năm công bố 150 bài báo trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus;
- Đến năm 2022, Tạp chí Khoa học công nghệ và thực phẩm được được tất cả các Hội đồng chức danh giáo sư ngành, liên ngành công nhận và ghi điểm trong hệ

thống tính điểm quốc gia;

- Hằng năm, HUFU tổ chức được ít nhất 01 hội thảo, hội nghị quốc tế; 01 hội thảo, hội nghị cấp quốc gia; 03 hội thảo cấp trường; 100% các đơn vị đào tạo tổ chức được ít nhất 01 hội thảo, hội nghị và ít nhất tổ chức được 06 seminar;
- Hằng năm, doanh thu từ KHCVN trung bình chiếm ít nhất 15% trên tổng doanh thu của HUFU.

6.4. Chiến lược nguồn nhân lực

6.4.1. Mục tiêu chung

Xây dựng đội ngũ CCVC có đủ phẩm chất, năng lực, số lượng và cơ cấu hợp lý, bảo đảm sự chuyên nghiệp vững vàng, liên tục giữa các thế hệ cán bộ quản lý và GV.

6.4.2. Các mục tiêu cụ thể

Mục tiêu 1: Đảm bảo số lượng và chất lượng đội ngũ CCVC đáp ứng quy mô đào tạo của nhà trường.

Giải pháp:

- Tuyển dụng, sử dụng VCGD theo hướng song hành năng lực GD & NCKH, trong đó chú trọng năng lực NCKH ứng dụng; đồng thời với bổ sung VCGD, rà soát tổ chức đào tạo lại và bồi dưỡng năng lực NCKH cho đội ngũ VCGD hiện đang còn hạn chế và yếu về NCKH và năng lực Ngoại ngữ.
- Tuyển dụng những viên chức có kỹ năng quản lý để thay thế viên chức nghỉ hưu hoặc chuyển công tác; đồng thời tổ chức đào tạo lại và bồi dưỡng kỹ năng, kỹ quản lý giáo dục và quản lý hành chính cho những VC còn hạn chế và yếu về kiến thức cũng như năng lực thực tế làm quản lý và phục vụ.
- Chuẩn hóa đội ngũ, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, theo nhu cầu giảng dạy, NCKH và quản lý phục vụ. Khắc phục đào tạo, bồi dưỡng không sát hợp với chuyên môn, nghiệp vụ.
- Lựa chọn, cử giảng viên đi đào tạo nâng cao trình độ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí khác; tăng cường các hoạt động trao đổi giảng viên và cán bộ quản lý giữa các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam với các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài, đặc biệt là ở các nước tiên tiến;
- Thực hiện nghiêm túc công tác quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ lãnh đạo quản lý và viên chức theo đúng quy định, đảm bảo luôn có đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý có đủ tâm và tầm, đoàn kết nhất trí, hợp tác chặt chẽ để làm việc vì sự phát triển chung của Trường.

Mục tiêu 2: Bố trí nhân sự hợp lý đảm bảo thực hiện có chất lượng và hiệu quả theo vị trí công việc.

- Bố trí, sử dụng đội ngũ VCGD theo hướng một giảng viên đảm nhiệm 2 môn học chính 3 môn phụ và 1 môn học có ít nhất hai giảng viên cùng đảm nhiệm.
- Bố trí, sử dụng VC khối quản lý và phục vụ theo hướng chuyên nghiệp, một viên

chức có thể đảm nhiệm một việc hoặc nhiều việc, song một việc không giao cho nhiều viên chức cùng làm.

- Định kỳ đánh giá CCVC theo qui định, qua đó phát hiện bồi dưỡng, giao nhiệm vụ, bổ nhiệm những VC có năng lực và uy tín cao và ngược lại xem xét miễn nhiệm những người không hoàn thành nhiệm vụ và giảm chỉ số tín nhiệm của quân chúng.

- Tinh gọn các nhân sự theo diện hợp đồng lao động 68, thực hiện việc thuê khoán dịch vụ.

Mục tiêu 1: Đảm bảo các chính sách thu nhập, đãi ngộ phù hợp

Giải pháp:

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, viên chức trên cơ sở đảm bảo dân chủ, công bằng, công khai về chế độ đãi ngộ, phân phối thu nhập/phúc lợi.

Mục tiêu 4: Tạo được môi trường giáo dục đại học năng động, sáng tạo thu hút được nhân tài

- Tạo môi trường làm việc năng động sáng tạo trên cơ sở quản lý kết quả và chất lượng công việc, cải cách hành chính triệt để.

- Xây dựng và thực hiện chính sách thu hút và sử dụng nhân tài trong và ngoài nước vào các vị trí công tác mà Trường có nhu cầu cấp thiết. Thu hút giảng viên là người nước ngoài, Việt kiều hoặc người Việt Nam đang làm việc, giảng dạy ở nước ngoài tham gia các chương trình giảng dạy và đào tạo trong nước, đặc biệt là các chương trình đào tạo chất lượng cao.

- Phát triển các diễn đàn, câu lạc bộ nhà khoa học nhằm tạo sự liên thông giữa các đơn vị; phát hiện, thu hút và tăng cường sự tham gia của các nhà khoa học có năng lực vào các dự án, chương trình phát triển do các cơ quan, ban ngành và ĐHCN.TP.TPHCM thực hiện.

6.4.3. Nhóm chỉ tiêu nguồn nhân lực

a) Quy mô: Số lượng nhân sự đến năm 2022 là 800 người, trong đó:

- Giảng viên: tối thiểu 600 người chiếm 75%

- Viên chức, người lao động phục vụ: tối đa 200 người chiếm 25%

b) Chất lượng đội ngũ

Đến năm 2022:

- Cơ cấu trình độ giảng viên: 100% trình độ thạc sỹ, tiến sỹ; trong đó tiến sỹ chiếm ít nhất 35% (210 người).

- Cơ cấu học hàm: Có ít nhất 10% (60 người) có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư.

- Cơ cấu về hạng giảng viên: 7% giảng viên hạng 1, 30% giảng viên hạng 2, 63% giảng viên hạng 3.

- Năng lực ngoại ngữ: 100% viên chức đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định chức

danh nghề nghiệp; trong đó có ít nhất 15% (90 người) giảng viên giảng dạy được bằng một ngoại ngữ (không kể giảng viên dạy ngoại ngữ).

- Năng lực công nghệ thông tin: 100% giảng viên giảng dạy được trên hệ thống đào tạo trực tuyến.

- Năng lực quản lý: 100% cán bộ quản lý được bồi dưỡng kiến thức quản lý theo đúng tiêu chuẩn chức danh.

6.5. Chiến lược hợp tác và hội nhập quốc tế

6.5.1. Mục tiêu chung

Phát triển các quan hệ hợp tác và hội nhập quốc tế nhằm góp phần nâng cao năng lực đội ngũ, hiện đại hóa công nghệ đào tạo, hỗ trợ phát triển KH-CN và mở rộng thị trường đào tạo.

6.5.2. Mục tiêu và giải pháp cụ thể

- Nâng cao mức độ quốc tế hoá của các chương trình đào tạo, đặc biệt là những chương trình đào tạo thuộc Nhiệm vụ chiến lược.

- Tăng cường kết nối với hoạt động khoa học và công nghệ quốc tế, phát triển các nhóm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu phối hợp với nước ngoài, gia tăng tiềm lực khoa học và công nghệ của ĐHCN.TP.TPHCM.

- Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác về đào tạo, khoa học công nghệ và dịch vụ đối với các địa phương, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp trong nước trên cơ sở các bên đều có lợi. Tận dụng hiệu quả nguồn lực giữa các bên để phát triển các hoạt động hợp tác.

- Xây dựng cơ chế hợp tác toàn diện giữa các bên ở trong nước, hướng tới lợi ích giữa các bên, lợi ích của người học và lợi ích cộng đồng.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch hợp tác quốc tế dài hạn, trung hạn và ngắn hạn của Trường. Xây dựng Quy định về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Trường nhằm khuyến khích, tạo điều kiện các đơn vị/cá nhân tham gia hoạt động HTQT.

- Đẩy mạnh liên kết đào tạo với nước ngoài đi đôi với việc giám sát các điều kiện đảm bảo chất lượng, định kỳ thực hiện kiểm định chất lượng các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài. Mở rộng và phát triển các chương trình “tu nghiệp sinh” ở nước ngoài và trong nước.

- Đẩy mạnh tìm kiếm các chương trình, dự án HTQT về đào tạo, KH-CN và phục vụ xã hội. Phối hợp với các bộ, ban, ngành liên quan và các cơ quan khác nhằm triển khai hiệu quả các hoạt động hợp tác quốc tế; tích cực tham gia các chương trình hợp tác quốc tế của trung ương và địa phương.

- Tăng cường tìm kiếm nguồn học bổng phục vụ đào tạo cán bộ và người học.

- Tăng cường trao đổi cán bộ và sinh viên với các cơ sở giáo dục đại học và KH-CN trong khu vực và quốc tế.

- Thường xuyên tổ chức và tạo điều kiện để cán bộ, người học tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế về giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học; tham gia các

tổ chức giáo dục, khoa học, mạng lưới, diễn đàn, hội nghề nghiệp khu vực và quốc tế.

- Thực hiện liên kết thư viện, trao đổi thông tin khoa học và công bố quốc tế.
- Tăng cường năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ và người học; hợp tác xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo chuyên môn bằng tiếng Anh có sự tham gia của giảng viên nước ngoài.
- Chú trọng tăng cường năng lực tiếng Anh cho người học thông qua việc triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 và tạo lập môi trường sử dụng tiếng Anh trong Trường; thu hút sinh viên quốc tế và giảng viên quốc tế học tập và giảng dạy; tăng cường các chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Anh.
- Hình thành đội ngũ cán bộ chuyên trách về hợp tác quốc tế trong cơ sở giáo dục đại học; khuyến khích cá nhân trong và ngoài nước có năng lực, kinh nghiệm tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học.
- Đẩy mạnh các hoạt động tiếp thị và quảng bá quốc tế.

6.5.3. Nhóm chỉ tiêu về hợp tác và hội nhập quốc tế

- Từ năm 2020, ĐHCN.TP.TPHCM khai thác và sử dụng các chương trình đào tạo, học liệu mở được chia sẻ trực tuyến bởi các trường đại học có uy tín trên thế giới;
- Hàng năm, ĐHCN.TP.TPHCM có hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới;
- Đến năm 2022, ĐHCN.TP.TPHCM có ngành đào tạo trong số 8 ngành đã được công nhận lẫn nhau trong khu vực ASEAN hoàn thành các thủ tục công nhận tương đương bằng cấp và chuyển đổi tín chỉ/học phần với các trường đại học trong khu vực;

6.6. Chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng

6.6.1. Mục tiêu chung

Xây dựng cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển của Nhà trường.

6.6.2. Mục tiêu và giải pháp cụ thể

- Đầu tư sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa các CSVC cơ sở chính của Nhà trường;
- Đầu tư hiện đại hóa hệ thống CSVC thực hành, thí nghiệm; xây dựng các trung tâm mô phỏng cho khối ngành kinh tế – quản lý đáp ứng nhu cầu thực hành nghề nghiệp.
- Đầu tư vào hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ giáo dục thể chất, CSHT phục vụ nhu cầu giải trí, vui chơi cho sinh viên.
- Hình thành hệ thống phòng giảng dạy online với trang thiết bị phù hợp;
- Xây dựng và đưa vào sử dụng cơ sở Dạ Phi cơ;

- Mở rộng cơ sở đào tạo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và phân hiệu tại tỉnh Tây Ninh hoặc Đăklăk.
- Đầu tư đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng công tác quản lý, dạy học và nghiên cứu khoa học.
- Xây dựng trung tâm tài nguyên thông tin điện tử trên cơ sở thư viện hiện nay bao gồm hệ thống quản lý tài nguyên số, hệ thống quản lý nghiệp vụ thư viện, hệ thống tạo lập, cung cấp tài nguyên thông tin nhằm tập trung khai thác, lưu trữ tất cả các tài liệu, thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu của trường, đồng thời là nơi cung cấp học liệu điện tử để phục vụ cho các loại hình đào tạo. Trung tâm phải đảm bảo đáp ứng khả năng sử dụng thư viện trực tuyến đến các điểm thông tin trong trường và cho cả sinh viên, học viên từ bên ngoài trường. Tăng cường khả năng liên kết với các hệ thống thư viện điện tử khác kết hợp với hệ thống số hóa tài liệu (tài liệu, âm thanh, hình ảnh...) để thuận tiện trong việc tra cứu, đảm bảo mức độ sử dụng là lớn nhất.
- Hoàn thiện các *quy định nội bộ* về quản lý và sử dụng tài sản, cơ sở vật chất của Trường.
- Nâng cao năng lực các cán bộ quản lý các dự án đầu tư để đảm bảo tính pháp lý và năng lực triển khai và giám sát các dự án đầu tư.
- Huy động các nguồn lực xã hội để tăng cường cơ sở vật chất của Trường

6.6.3. Nhóm chỉ tiêu cơ sở hạ tầng

- Năm 2020, ĐHCN.TP.TPHCM hoàn thành hạ tầng cơ sở CNTT đáp ứng yêu cầu quản lý, dạy - học hiện đại và tiện dụng (Hệ thống phần cứng, hệ thống các phần mềm quản lý nhà trường, hệ thống đào tạo từ xa, trực tuyến).
- Năm 2021, đầu tư “trường quay HUFITivi” hiện đại, đầy đủ tiện nghi để phục vụ quảng bá thương hiệu, hình ảnh, tư vấn trực tuyến, giảng dạy online...
- Năm 2021, hoàn thành xây dựng giai đoạn II Trung tâm thí nghiệm - thực hành, đưa vào sử dụng phục vụ ổn định cho khối hóa, môi trường, sinh học, thực phẩm.
- Năm 2021, hoàn thành cải tạo, nâng cấp khu giảng đường nhà F, khu làm việc nhà C, xây dựng khu nhà để xe tại cơ sở 140 Lê Trọng Tấn.
- Năm 2022, hoàn thành dự án đầu tư xây dựng khu “Dạ Phi cơ” sử dụng làm khối giảng đường lớp học kết hợp với các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành cho các đơn vị hiện đang thuê mượn bên ngoài trường, khu phức hợp TĐTT, vui chơi giải trí cho CB.GV.SV toàn trường.
- Triển khai bước 1 (Xin chủ trương giao đất) Dự án mở rộng không gian trường sở khu vực phù hợp tại TP. Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu học tập, NCKH thực nghiệm, vui chơi giải trí, TĐTT của CB.GV.SV trường trong điều kiện mới.

6.7. Chiến lược phát triển tài chính

6.7.1. Mục tiêu chung

Đảm bảo điều kiện tài chính để Nhà trường phát triển bền vững.

6.7.2. Mục tiêu và giải pháp cụ thể

- Hoàn thiện các quy định nội bộ về quản lý thu và chi tài chính.
- Đa dạng hóa và tăng nguồn thu tài chính: các nguồn vốn đầu tư phát triển từ NSNN, từ đào tạo, KHHCN, sản xuất kinh doanh và dịch vụ; chủ động tìm nguồn kinh phí ngoài ngân sách Nhà nước, tích cực khai thác nguồn đầu tư của các cá nhân và tổ chức trong nước và quốc tế.
- Thực hiện phân cấp và từng bước giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị trực thuộc.
- Xây dựng hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ về tài chính.
- Kiện toàn tổ chức của đơn vị chức năng tài chính kế toán, thiết lập hệ thống quản lý tài chính thống nhất trong toàn Trường.
- Nâng cao năng lực nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm và thái độ phục vụ cho đội ngũ viên chức tham gia quản lý tài chính.
- Công khai và thực hiện trách nhiệm giải trình hoạt động tài chính của Trường và các đơn vị trực thuộc theo quy định của Nhà nước và Trường.
- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính.
- Nâng cao hiệu lực quản lý tài chính gắn với công tác kế hoạch của Trường và các đơn vị trực thuộc.
- Tận dụng sự hỗ trợ của Bộ Công Thương, các Bộ ngành Trung ương và TP. Hồ Chí Minh để triển khai các dự án lớn, có tầm ảnh hưởng nhằm nâng cao năng lực hoạt động của trường.
- Đổi mới cơ chế phân phối, chính sách tiền lương, thu nhập của công chức, viên chức, người lao động theo các quy định mới nhằm khắc phục tình trạng bất hợp lý trong phân phối thu nhập làm tác động tiêu cực đến sự cống hiến của người lao động nói chung như hiện nay.
- Xây dựng và thực hiện chế độ học phí theo định mức kinh tế - kỹ thuật do nhà trường xây dựng dựa trên các chi phí thực tế có tính đến khấu hao tài sản. Đảm bảo các chế độ học bổng, tín dụng sinh viên trên cơ sở xác lập những nguyên tắc chia sẻ hợp lý chi phí giáo dục đào tạo giữa nhà nước - nhà trường - người học và các thành phần xã hội khác. Đồng thời thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục nhằm đảm bảo bình đẳng về cơ hội học tập, ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo nhân lực cho con em vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo...
- Cân đối tài chính hiệu quả, tăng cường nguồn vay kích cầu của thành phố, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn tài trợ... đảm bảo đầy đủ cho việc triển khai đúng tiến độ các dự án đầu tư nâng cấp, xây dựng và phát triển CSVC theo các dự án đã triển khai.

6.7.3. Nhóm chỉ tiêu tài chính

- Nguồn tài chính được cơ cấu hợp lý đảm bảo cân đối thu chi, trong đó quỹ đầu tư phát triển phải chiếm tối thiểu 25%.
- Đến năm 2022, chuyên dịch cơ cấu nguồn thu như sau: Học phí 65%; NCKH, chuyển giao công nghệ, dịch vụ khoa học công nghệ chiếm 15%; dịch vụ khác chiếm 20%.
- Thu nhập bình quân đầu người đứng top 2 các cơ sở giáo dục đại học do Bộ Công Thương quản lý, Top 10 các cơ sở giáo dục đại học trên cả nước.
- Quỹ dành cho chính sách và hỗ trợ cho người học chiếm 10% doanh thu hằng năm.

6.8. Chiến lược về kiểm định và xếp hạng

6.8.1. Mục tiêu chung

Đáp ứng chuẩn của một cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hàng đầu ở trong nước.

6.8.2. Mục tiêu và giải pháp cụ thể

- Kiện toàn và nâng cao năng lực *hệ thống đảm bảo chất lượng* của Trường.
- Ban hành và triển khai các *quy định, quy trình và hướng dẫn* sử dụng nội bộ về công tác đảm bảo chất lượng; Tổ chức xây dựng, công bố và giám sát mức độ đạt được *mục tiêu chất lượng* của Trường.
- Xây dựng *kế hoạch* và tổ chức thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong Trường.
- Tổ chức *tự đánh giá* thường xuyên theo các bộ tiêu chuẩn khu vực và quốc tế nhằm nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo. Tổ chức *tự đánh giá* hằng năm theo bộ tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) nhằm nâng cao chất lượng hoạt động toàn diện của Trường.
- Xây dựng kế hoạch, đăng ký và tổ chức thực hiện các hoạt động *kiểm định chất lượng chương trình đào tạo* theo tiêu chuẩn khu vực và quốc tế; Triển khai các hoạt động hậu kiểm định để duy trì công nhận.
- Triển khai các hoạt động hậu kiểm định để duy trì công nhận.
- Đăng ký tham gia *xếp hạng*, đối sánh (bench-marking) theo webometrics, hệ thống QS-Asia.
- Phát triển *tài nguyên số, cơ sở dữ liệu* về đảm bảo chất lượng và văn hóa chất lượng theo chuẩn xếp hạng, đối sánh các trường đại học thế giới; Công bố công khai các kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng.
- Tham gia các *mạng lưới* và các hoạt động về đảm bảo chất lượng, đánh giá và kiểm định chất lượng ở trong nước, khu vực và quốc tế.

6.8.3. Nhóm chỉ tiêu kiểm định và xếp hạng

- Đảm bảo kết quả đánh giá lại cấp sơ sở giáo dục với mức đạt điểm trung bình là 5,0 vào năm 2022.

- Toàn bộ các chương trình đào tạo đều được kiểm định theo đúng quy định.
- Năm 2022, ĐHCN, TP. TP HCM được xếp hạng vào top 50 các cơ sở giáo dục đại học Việt nam theo webometrics; xếp hạng 30 QS Asian đối với cơ sở giáo dục đại học trong nước; xếp hạng top 30 các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam có nhiều công bố khoa học trên tạp chí ISI và Scopus.

7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

7.1. Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh

- Báo cáo và đề nghị Bộ Công Thương quan tâm chỉ đạo để Nhà trường thực hiện thành công Chiến lược phát triển đến năm 2022, tầm nhìn 2025.
- Báo cáo và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ban, ngành hữu quan quan tâm, hỗ trợ và đặt hàng nhiệm vụ để Nhà trường thực hiện thành công Chiến lược đề ra.
- Chỉ đạo tổ chức xây dựng Kế hoạch phát triển 5 năm và từng năm để xác định các chỉ tiêu cụ thể phù hợp với lộ trình thực hiện Chiến lược.
- Chỉ đạo và kiểm tra, giám sát các đơn vị xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược phát triển của đơn vị phù hợp với định hướng và các nội dung của Chiến lược phát triển ĐHCN. TP. TP HCM.

7.2. Các đơn vị đơn vị trực thuộc, thuộc

- Phổ biến sâu rộng các nội dung của Chiến lược đến tất cả các bộ phận trong đơn vị và toàn thể công chức, viên chức, người lao động, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh; đồng thời, giới thiệu rộng rãi Chiến lược đến các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước có liên quan.
- Xây dựng Chiến lược phát triển và các kế hoạch tương ứng của đơn vị phù hợp với Chiến lược phát triển và các kế hoạch của ĐHCN. TP. TP HCM, trình Hiệu trưởng phê duyệt.
- Chủ động huy động và phát triển các nguồn lực để tổ chức thực hiện kế hoạch nhằm đạt được các chỉ tiêu đã được Hiệu trưởng ĐHCN. TP. TP HCM phê duyệt.
- Hằng năm, báo cáo ĐHCN. TP. TP HCM thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và kiến nghị điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu kế hoạch cho phù hợp với thực tiễn của đơn vị.

HIỆU TRƯỞNG